

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 248 THÁNG 2 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 248 tháng 2 năm 2018.

1. Công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/ Hồ Quế Hậu// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 2 – 11

Tóm tắt: Bài viết đánh giá thực trạng công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới và khuyến nghị một số chính sách thực hiện công bằng xã hội về kinh tế trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy Việt Nam là một trong số ít quốc gia vừa thực hiện được tăng trưởng nhanh vừa thực hiện được công bằng xã hội. Tuy nhiên, còn nhiều bất cập trong thực hiện công bằng xã hội và bất bình đẳng kinh tế đang gia tăng. Vì vậy, cần phải hoàn thiện việc điều tiết thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện triệt để hơn chính sách “xã hội hóa” dịch vụ công đi đôi với chính sách đầu tư phát triển hợp lý và chính sách an sinh xã hội.

Từ khóa: Chính sách công; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Công bằng xã hội

2. Mối quan hệ giữa tiêu thụ điện và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam/ Bùi Hoàng Ngọc, Vương Đức Hoàng Quân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 12 – 22

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu này là kiểm định quan hệ nhân quả giữa tiêu thụ điện và tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam trong giai đoạn từ 1980-2014. Bài viết ứng dụng phương pháp tự hồi quy phân phối trễ ARDL (Autoregressive Distributed Lag) để kiểm tra đồng liên kết giữa các biến và phân tích quan hệ nhân quả Granger theo phương pháp của Toda & Yamamoto. Kết quả kiểm định cho thấy có đồng liên kết trong dài hạn giữa các biến, đồng thời phân tích nhân quả Granger tìm thấy tác động một chiều của tiêu thụ điện tác động đến tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi tìm thấy bằng chứng thống kê là tiêu thụ điện có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cả trong ngắn hạn và dài hạn. Kết quả này gợi ý cho các cơ quan quản lý cần có chiến lược đầu tư cho lĩnh vực điện và phát triển các nguồn năng lượng mới thay thế để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

Từ khóa: Tiêu thụ điện năng; Tăng trưởng kinh tế; ARDL

3. Tự chủ đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp/ Phạm Thị Huyền, Lê Trung Thành// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 23 – 32

Tóm tắt: Tự chủ đại học trở thành xu hướng tất yếu hiện nay. Đã có nhiều văn bản, chính sách nhằm thúc đẩy quá trình tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập. Đặc biệt Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/10/2014 về “Thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017” được xem là bước đột phá cho tiến trình tự chủ hóa các cơ sở giáo dục công lập. Sau 3 năm thực hiện, các cơ sở giáo dục được giao thí điểm đã có những đánh giá tích cực về chủ trương đúng đắn này. Tuy nhiên, do chính sách chưa đồng bộ và sự vào cuộc chưa thực sự mạnh mẽ của các cơ quan có liên quan, việc áp dụng còn nhiều vướng mắc. Kết quả nghiên cứu với các trường đã được giao tự chủ cho thấy những nội dung chính sách cần thay đổi, từ Luật Giáo dục đại học, các thông tư, hướng dẫn liên quan tới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc đồng bộ hóa chính sách là hết sức cần thiết để các cơ sở giáo dục đại học công lập thực sự tự chủ, nâng tầm giáo dục đại học ở Việt Nam và giảm gánh nặng ngân sách nhà nước cho giáo dục.

Từ khóa: Tự chủ đại học; Tự chủ tài chính; Tự chủ nhân sự

4. Lợi thế so sánh bộc lộ của Việt Nam và các nước ASEAN trong bối cảnh hội nhập quốc tế/ Nguyễn Bình Dương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 33 – 41

Tóm tắt: Kể từ khi Việt Nam mở cửa kinh tế và tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, từ xuất khẩu các mặt hàng nguyên liệu thô, sơ chế sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Bài viết này nghiên cứu lợi thế so sánh bộc lộ (RCA) của Việt Nam và các nước ASEAN trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đồng thời phân tích sự thay đổi của chỉ số RCA trong 9 nhóm hàng cơ bản theo tiêu chuẩn SITC- Rev 3. Bên cạnh đó, bài viết cũng phân tích chỉ số RCA trong một số sản phẩm tiêu biểu như gạo, rau quả, cà phê, thủy sản, may mặc, giày dép. Thông qua việc phân tích cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của các ngành định hướng xuất khẩu, bài viết đề xuất một số giải pháp để Việt Nam củng cố hơn nữa những ngành có lợi thế truyền thống và khai thác được tiềm năng của những ngành có lợi thế trong tương lai.

Từ khóa: ASEAN; Hội nhập; Lợi thế so sánh bộc lộ; RCA; Việt Nam

5. Phân tích tác động FDI đến phúc lợi xã hội: Dẫn chứng từ các quốc gia châu Á/ Đinh Hồng Linh, Trần Văn Nguyễn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 42 – 51

Tóm tắt: Bài viết này tập trung làm rõ tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến phúc lợi xã hội tại các nước châu Á giai đoạn 1990 – 2015. Kết quả nghiên cứu

cho thấy sự phân bố không đồng đều trong mối quan hệ giữa FDI và chỉ số phát triển con người (HDI) giữa các quốc gia. Trong đó, việc thu hút dòng vốn FDI cao không đảm bảo có sự tác động tích cực tới HDI của quốc gia đó. Hơn nữa, nghiên cứu của chúng tôi cung cấp bằng chứng về mối quan hệ ngược chiều giữa FDI với tăng trưởng trong phúc lợi xã hội, được đo lường thông qua chỉ tiêu HDI. Bên cạnh đó, thu hút FDI dù có tác động tiêu cực tới chỉ số về giáo dục, chỉ số thu nhập và chỉ số y tế của nhóm các quốc gia trong khu vực, nhưng các kết quả này không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Từ khóa: Phát triển con người; FDI; Chỉ số y tế; Chỉ số thu nhập; Chỉ số giáo dục

6. Môi trường thể chế quốc gia và lợi tức cổ phiếu trong các thương vụ sáp nhập và mua lại: Nghiên cứu thực nghiệm tại các quốc gia Đông và Đông Nam Á/ Hoàng Dương Việt Anh, Đặng Hữu Mẫn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 52 – 61

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường thể chế quốc gia đến lợi tức cổ phiếu của các doanh nghiệp mục tiêu trong hoạt động mua lại doanh nghiệp dựa trên một mẫu tất cả các thương vụ tại 8 nước Đông và Đông Nam Á, trong giai đoạn 14 năm từ 2000 đến 2013. Thông qua việc sử dụng phương pháp nghiên cứu sự kiện và hồi quy chéo, bài báo cho thấy chất lượng điều hành của chính phủ, mức độ bảo vệ nhà đầu tư, mức độ tự do di chuyển vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp và tỷ giá hối đoái là những yếu tố quyết định đến lợi tức của các công ty mục tiêu. Cụ thể, các cổ đông của các công ty mục tiêu có xu hướng nhận được lợi tức lớn hơn nếu các công ty mục tiêu hoạt động ở các quốc gia có chất lượng điều hành của chính phủ cao hơn, mức độ bảo vệ nhà đầu tư mạnh hơn, ít kiểm soát di chuyển vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn và giá trị tiền tệ cao hơn so với quốc gia của công ty đầu tư. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của môi trường thể chế của quốc gia nhận đầu tư là một trong những yếu tố quyết định đến lợi tức cổ phiếu của công ty mục tiêu thay vì sự khác biệt trong môi trường thể chế giữa quốc gia tiếp nhận và quốc gia chủ đầu tư.

Từ khóa: Công ty mục tiêu; Công ty đầu tư; Sáp nhập và mua lại; Lợi tức bất thường tích lũy; Môi trường thể chế

7. Hoàn thiện chính sách chế biến sâu nông sản: Nghiên cứu điển hình với các ngành hàng lúa gạo, cao su và cá tra/ Trần Đình Thao, Nguyễn Phương Lê, Đỗ Thị Diệp// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 62 – 71

Tóm tắt: Chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng của nông sản là một chiến lược ưu tiên trong thực hiện tái cơ cấu nền nông nghiệp. Nghiên cứu điển hình ở các ngành hàng lúa gạo, cao su và cá tra cho thấy Chính phủ đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến nông sản như đất đai, tín dụng, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và xúc tiến thương mại. Nhờ tác động tích cực của các

chính sách này, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của nước ta đã tăng đáng kể. Tuy nhiên, các chính sách trên chưa đủ mạnh để thúc đẩy chế biến nông sản, cụ thể là: (i) Chưa khuyến khích trực tiếp chế biến sâu nông sản; (ii) Nội dung khuyến khích chế biến nông sản còn chung chung; (iii) Chưa có sự thống nhất giữa chủ trương và giải pháp, chưa cân đối giữa mục tiêu và nguồn lực thực hiện. Do vậy, để thúc đẩy chế biến sâu nông sản, có cơ chế hỗ trợ đặc thù đối với người sản xuất.

Từ khóa: Cá tra; Chế biến sâu; Chính sách; Lúa gạo; Cao su

8. Nghiên cứu mối quan hệ giữa quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của công ty chứng khoán tại Việt Nam/ Phạm Quốc Việt, Lương Quốc Trọng Vinh, Hồ Thu Hoài// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 72 – 80

Tóm tắt: Quản trị công ty tại công ty chứng khoán là chủ đề còn rất ít được nghiên cứu tại Việt Nam. Thông qua phân tích hồi quy giữa các biến đại diện cho quản trị công ty và hiệu quả hoạt động trên mẫu dữ liệu 48 công ty chứng khoán giai đoạn 2012-2016, các tác giả tìm thấy tương quan âm giữa sở hữu cổ đông lớn với hiệu quả hoạt động, tương quan phi tuyến dạng chữ U giữa sở hữu của ban giám đốc với hiệu quả hoạt động, tác động của các yếu tố thuộc đặc điểm của hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu này là cơ sở cho một số gợi ý chính sách cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong việc hoàn thiện tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty của các công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán và tăng cường bảo vệ quyền lợi cổ đông thiểu số tại các công ty chứng khoán niêm yết.

Từ khóa: Quản trị công ty; Công ty chứng khoán; Hiệu quả hoạt động

9. Nâng cấp để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu- Trường hợp các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam/ Nguyễn Thị Trâm Anh, Huỳnh Thị Ngọc Diệp// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 81 – 91

Tóm tắt: Quá trình toàn cầu hóa đã tạo cơ hội mở cửa thị trường và tăng áp lực cạnh tranh cho doanh nghiệp ở các nước đang phát triển. Tham gia vào thương mại toàn cầu đòi hỏi các doanh nghiệp phải liên tục học hỏi, tiếp nhận công nghệ và hợp tác với các tác nhân trong chuỗi nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh và/hoặc chuyển sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn. Kết quả khảo sát 41 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá tra cho thấy: (1) chuỗi giá trị cá tra do người mua dẫn dắt; (2) phần lớn các doanh nghiệp chế biến cá tra chỉ mới nâng cấp quy trình; (3) hợp tác dọc trong chuỗi giá trị cá tra theo 2 xu hướng tích hợp dọc và sử dụng hợp đồng sản xuất. Trên cơ sở đó, tác giả khuyến nghị các doanh nghiệp cải thiện năng lực cạnh tranh để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu: nâng cấp sản phẩm bằng cách hướng đến sản phẩm giá trị gia tăng và hoàn thiện chiến lược hợp tác dọc phía trước và phía sau.

Từ khóa: Cá tra; Nâng cấp; Hợp tác dọc; Sản phẩm giá trị gia tăng

10. Tác động của đầu tư công đến một số khía cạnh kinh tế tỉnh Nam Định/ Nguyễn Văn Hậu// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 248 tháng 2/2018 .- Tr. 92 – 100

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của đầu tư công đến một số vấn đề về kinh tế của tỉnh Nam Định trong giai đoạn 2000 - 2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Đầu tư công tác động tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế của tỉnh Nam Định, hiệu quả của nguồn vốn còn thấp, đóng góp vào GDP của tỉnh chưa tương xứng với nguồn vốn bỏ ra, trong khi đó khu vực tư nhân có tác động tích cực lên tăng trưởng kinh tế, đóng góp nhiều vào GDP của tỉnh. Dựa trên cơ sở đánh giá tác động của đầu tư công, hy vọng những hàm ý về chính sách bài viết đề xuất giúp nâng cao hiệu quả đầu tư công của tỉnh Nam Định trong thời gian đến.

Từ khóa: Đầu tư công; Nam Định; Tác động của đầu tư công

Trung tâm Thông tin Thư viện